

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 31/3/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lược;
2. Ông Bò Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tỳ Dung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 6, ấp MĐ, xã BM, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958, Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 69, ấp Bàu Gốc, xã BM, huyện M, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X (Có đơn Xn vắng mặt, trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 17/10/2018, bà Phạm Thị T có lập văn bản vay của bà số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 6%/tháng, vay không thời hạn, khi nào đòi thì bà X sẽ báo trước một thời gian hợp lý. Sau khi vay, bà T nói làm ăn khó khăn, chưa trả lãi.

Ngày 25/12/2019, bà T có lập văn bản vay tiếp 50.000.000 đồng của bà X; lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 6%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào đòi thì bà X sẽ báo trước một thời gian. Trong thời gian vay, bà T chỉ trả lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng được 12 tháng tiền lãi (6%/tháng) sau đó thì ngưng thanh toán tiền lãi, bà T nói do dịch bệnh, không làm ăn được nên chưa trả lãi cho cả 02 lần vay. Qua nhiều lần đòi nợ bên bà T không thanh toán cho bà số tiền gốc và tiền lãi nên bà X khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Phạm Thị T phải thanh toán số nợ vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 148.570.000 đồng, cụ thể:

- Nợ lãi của số tiền vay gốc 350.000.000 đồng: Từ ngày 17/10/2018 đến ngày 19/10/2022: 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng là 139.400.000 đồng.

- Nợ lãi của số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng: Từ tháng 12/2020 đến ngày 19/10/2022: 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng là 9.130.000 đồng.

Tổng cộng là 548.570.000 đồng (năm trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm B mươi nghìn đồng chẵn). Bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, bị đơn bà Phạm Thị T (có đơn Xn vắng mặt) trình bày:

Bà T có quen bà B (tức là bà Nguyễn Thị X), bà T thừa nhận có vay tiền của bà X 02 lần, ngày 17/10/2018 vay 350.000.000 đồng có làm văn bản, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 07%/tháng, trả lãi cho bà T với số tiền 21.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng, không nhớ rõ trả bao nhiêu lần vì khi trả lãi không có giấy tờ.

Ngày 25/12/2019, bị đơn T có vay 50.000.000 đồng của bà X, có lập văn bản vay, lãi suất thỏa thuận qua lời nói 07%/tháng, vay không thời hạn, khi nào đòi thì bà X sẽ báo trước một thời gian hợp lý. Sau khi lấy tiền vay, bà X lấy lại 42.000.000 đồng tiền lãi, còn bà T cầm số tiền 8.000.000 đồng mang về tiêu xài. Giấy vay nợ bà X đưa ra là đúng chữ ký của bà T.

Do làm ăn thất bại nên hiện bà T chưa thanh toán cho bà Nguyễn Thị X. Bị đơn chỉ trả lãi được 42.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ.

Nay, bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà T phải thanh toán số nợ vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi đến tháng 10/2022 là 148.570.000 đồng. Tổng cộng là 548.570.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm B mươi nghìn đồng chẵn) bà T không đồng ý. Do công việc làm ăn hiện nay quá khó khăn, bà T bị bệnh tai biến. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và Xn trả dần (Trả góp) hàng tháng cho đến khi hết số nợ.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, hai đương sự đều có đơn Xn giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số nợ vay gốc là 400.000.000

đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn bà Phạm Thị T có nơi cư trú tại xã BM, huyện M, tỉnh Bình Dương và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và bị đơn bà Phạm Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 277, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đủ căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/10/2018 và 25/12/2019 thể hiện nội dung bà Phạm Thị T có vay của bà X tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); thỏa thuận khi nào cần bà X sẽ báo trước một thời gian hợp lý thì bà T sẽ thanh toán lại số tiền trên, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói, nguyên đơn cho rằng 6%/tháng, bị đơn cho rằng không xác định được mức lãi bao nhiêu %/tháng; bên dưới góc phải của văn bản có chữ ký, dòng chữ ghi họ và tên “Phạm Thị T”, bà T thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là đúng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi suất theo Điều 463 và Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bà X cho rằng bà T không thanh toán đủ lãi suất hàng tháng nên bà đòi tiền vay gốc, bà T cũng không thanh toán; bà T cho rằng có trả lãi cho bà X được 42.000.000 đồng và trả lãi được 01 năm đối với số tiền vay gốc 350 triệu đồng nhưng bà X không thừa nhận, bà X chỉ xác định bà T có trả lãi cho khoản vay 50.000.000 đồng ngày 25/12/2019 với mức 6%/ tháng được 01 năm thì ngưng; bà T không đưa ra được chứng cứ trả lãi nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Do bà T vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về khoản tiền lãi, bà X yêu cầu bà T thanh toán: Nợ lãi của số tiền vay gốc 350.000.000 đồng: Từ ngày 17/10/2018 đến ngày 19/10/2022: 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng là 139.400.000 đồng; Nợ lãi của số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng: Từ tháng 12/2020 đến ngày 19/10/2022: 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng là 9.130.000 đồng. Tổng cộng 148.570.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc cho vay trong nội bộ nhân dân nhằm tương trợ lẫn nhau nên trong đơn khởi kiện bà X yêu cầu tiền lãi là 0,83%/tháng là phù hợp với pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi hai bên có tranh chấp về khoản tiền lãi của món vay 350 triệu đồng bà T đã trả được 01 năm (21.000.000 đồng/tháng) nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ, bà X cũng không thừa nhận nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà T.

Đối với số tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng, mức lãi 6%/tháng bà X thừa nhận bà T có trả lãi đến tháng 12/2020, tương ứng là 36.000.000 đồng (50.000.000 đồng x 12 tháng x 6%/tháng), như vậy, mức lãi là quá cao so với quy định của pháp luật, nên sẽ được tính lại theo mức 0,83%/tháng cho phù hợp, cụ thể: Nợ lãi của số tiền vay gốc 350.000.000 đồng: Từ ngày 17/10/2018 đến ngày 19/10/2022: 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng là 139.400.000 đồng; Nợ lãi của số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng: Từ tháng 12/2020 đến ngày 19/10/2022: 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng là 9.130.000 đồng. Tổng cộng 148.570.000 đồng. Trừ vào số tiền 36.000.000 đồng bà T đã thanh toán được bà X thừa nhận, còn lại bà T phải thanh toán cho bà X số tiền lãi là 112.570.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, năm trăm B mươi nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính lãi theo pháp luật quy định là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị X không phải chịu theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 469, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị T thanh toán số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị T thanh toán toàn bộ khoản tiền lãi là 148.570.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi từ ngày là

112.570.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Tổng cộng 512.570.000 đồng (năm trăm mười hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị T và nguyên đơn bà Nguyễn Thị X được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng